Đại Ý Kinh Pháp Hoa

Thích Tâm Thiện

Chương I
Phẩm Tựa

Lời Dẫn

Phẩm Tựa là chương mở đầu, giới thiệu kinh Pháp Hoa. Cách thức giới thiệu của kinh rất độc đáo và lạ thường. Trọng tâm phần giới thiệu được trình bày một cách *gián tiếp* qua cảnh giới thiền định của Đức Phật. Phần còn lại được trình bày qua các mẫu chuyện vừa mang tính chất thần thoại, vừa mang tính ẩn dụ. Tên của chư Phật hay chư vị Bồ-tát điều có ý nghĩa đặc biệt mang theo một thông điệp nhất định nào đó. Do vậy, đọc kinh theo cách tư duy thông thường sẽ khó nắm bắt được ý nghĩa thầm kín sâu xa của kinh.

Nội dung phẩm Tựa được trình bày trong chương này bao gồm: *A.Lược văn kinh, B.Dàn ý, C.Phân tích và lược giải*. Để giản lược, các thuật ngữ được đưa vào phần chú thích. Phần lược văn kinh tóm lược nội dung chính của mỗi chương. Phần dàn ý được sắp xếp theo diễn tiến của từng chương, bao gồm những tiêu đề giảng luận. Sau cùng là phần phân tích và lược giải, được tập trung vào nội dung tư tưởng của kinh.

Giáo pháp của Đức Phật thậm thâm vi diệu. Những gì được trình bày ở đây chỉ gợi ý phần nào nghĩa lý sâu xa của kinh. Niềm mong ước được đảnh lễ mười phương chư Phật và kết duyên với kinh là tâm niệm của người viết khi biên soạn tác phẩm lược giải này. Được nghe lời dạy từ kinh rằng "*Tất cả chúng sinh đều có khả năng thành phật*"là một thọ ân cứu độ lớn nhất trong bao kiếp luân hồi của tác giả.

Nam Mô Đại Ân Giáo Chủ Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Thích Tâm Thiện

Mùa Hạ-an cư, 2021
Tu Viện Thượng Hạnh

A. Lược Văn Kinh
Phẩm Tựa Thứ Nhất

1. Trên đỉnh núi Linh Thứu, ở thành Vương Xá, Đức Phật cùng với 12,000 vị đại tỳ kheo, 2,000 vị hữu học và vô học, tỳ kheo ni Ma-ha-ba-xà-ba-đề cùng với 6,000 quyến thuộc, 80,000 đại Bồ-tát như ngài: Văn Thù, Quan Âm, Di Lặc v.v... Vua Trời Đế Thích cùng 20,000 vị thiên tử, 4 vị Đại Thiên vương cùng 1,000 thiên tử, Tự Tại thiên tử, Đại Tự Tại thiên tử cùng 3,000 thiên tử, chủ cõi Ta-bà Phạm Thiên vương cùng 12,000 vị thiên tử, 8 vị Long vương, 4 vị Khẩn-na-la vương, 4 vị Càn-thát-bà vương, 4 vị A-tu-la vương cùng trăm nghìn quyến thuộc, 4 vị Ca-lâu-la vương và quyến thuộc, Vua A-xà-thế cùng trăm nghìn quyến thuộc cùng câu hội.
2. Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn vì các vị Bồ-tát nói kinh Đại thừa tên là *Vô Lượng Nghĩa Giáo Bồ Tát Pháp Phật Sở Hộ Niệm*. Nói kinh xong, Đức Phật ngồi xếp bằng nhập vào chánh định Vô Lượng Nghĩa Xứ, thân và tâm của Ngài bất động. Khi đó trời mưa bốn loại hoa rải trên Đức Phật cùng hàng đại chúng; khắp cõi Phật đều rung động sáu cách.
3. Bấy giờ, chúng hội được thấy việc chưa từng có. Đức Phật từ nơi tướng lông trắng giữa hai chân mày phóng ra luồng ánh sáng chiếu khắp 18,000 thế giới ở phương Đông, dưới chiếu đến địa ngục A-tỳ, trên chiếu đến trời Sắc-cứu-cánh.
4. Chúng sinh ở thế giới này thấy rõ cả sáu loài chúng sinh ở các thế giới khác; thấy những người tu hành đắc đạo; thấy các vị đại Bồ-tát dùng các nhân duyên, phương tiện hành đạo; thấy các Đức Phật ra đời, nói pháp, nhập Niết-bàn; thấy hàng Bồ-tát dựng tháp xá lợi bằng bảy báu để cúng dường chư Phật.
5. Khi ấy, Bồ-tát Di Lặc nghĩ rằng, vì nhân duyên gì Đức Thế Tôn hiện thần thông và điềm lành này? Nay Đức Phật đang nhập chánh định, việc hy hữu này nên hỏi ai, và ai đáp được? Ngài nghĩ đến Bồ-tát Văn Thù Sư Lợi, người đã từng cúng dường vô lượng các Đức Phật trong quá khứ. Muốn hiểu rõ chỗ nghi của mình và hàng đại chúng, Bồ-tát Di Lặc hỏi Bồ tát Văn Thù do nhân duyên gì mà có điềm lành này?
6. Bồ-tát Văn Thù giải thích: "Tôi từng ở nơi các Đức Phật đời quá khứ thấy điềm lành hy hữu này. Tôi nghĩ, nay Đức Thế Tôn muốn *nói pháp lớn, mưa pháp vũ lớn, thổi pháp loa lớn, đánh pháp cổ lớn và diễn pháp nghĩa lớn*. Ngài muốn cho chúng sinh nghe pháp mầu khó tin trong đời nên hiện điềm lành này".
7. Trong đời quá khứ vô lượng vô biên a-tăng-kỳ kiếp, có Đức Phật hiệu Nhật Nguyệt Đăng Minh tuyên nói chánh pháp, ban đầu, ở giữa, và sau cùng, ba thời đều thiện lành, nghĩa lý sâu xa, lời lẽ nhiệm mầu, thuần nhất không tạp, đầy đủ các tướng phạm hạnh thanh tịnh. Ngài vì hàng Thanh-văn, nói pháp Tứ đế; vì hàng Duyên-giác, nói pháp 12 Nhân duyên; vì hàng Bồ-tát nói sáu pháp Ba-la-mật làm cho thành tựu Vô thượng chánh đẳng chánh giác.
8. Rồi lại có Đức Phật cũng hiệu Nhật Nguyệt Đăng Minh, và như thế đến 20,000

Đức Phật đều cùng một hiệu Nhật Nguyệt Đăng Minh, đầy đủ mười hiệu.[1] Các Ngài tuần tự thọ ký cho nhau thành Phật.

9. Đức Phật sau cùng, lúc chưa xuất gia có 8 vị vương tử, đều có uy đức tự tại, trị vì bốn phương. Nghe vua cha xuất gia thành đạo, họ đều bỏ ngôi báu xuất gia theo, phát tâm đại thừa, tu hạnh thanh tịnh, làm bậc pháp sư. Các vị ấy, trong đời quá khứ đã từng ở nghìn muôn ức Đức Phật tu hành vun trồng các cội công đức.
10. Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh lúc đó nói kinh Đại thừa tên Vô Lượng Nghĩa Giáo Bồ Tát Pháp Phật Sở Hộ Niệm. Nói kinh đó rồi, ở giữa đại chúng Phật ngồi xếp bằng nhập vào chánh định Vô Lượng Nghĩa Xứ, thân và tâm của Ngài bất động. Khi ấy trời mưa bốn loại hoa cúng dường, rải trên đức Phật và hàng đại chúng. Khắp cõi nước Phật đều rung động sáu cách.
11. Bấy giờ, Đức Như Lai từ tướng lông trắng giữa hai chân mày phóng ra luồng ánh sáng soi khắp 18,000 thế giới ở phương đông, như nay đang thấy ở cõi Phật đây.
12. Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh từ trong chánh định dậy, vì Bồ-tát Diệu Quang và 800 người đệ tử nói kinh Đại thừa tên Diệu Pháp Liên Hoa Giáo Bồ Tát Pháp Phật Sở Hộ Niệm trải qua 60 tiểu kiếp không rời chỗ ngồi. Người nghe pháp cũng ngồi một chỗ suốt 60 tiểu kiếp, thân tâm đều bất động. Thời gian tuy dài như thế, nhưng đại chúng tưởng chừng như khoảng bữa ăn.
13. Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh trong 60 tiểu kiếp nói kinh Pháp Hoa xong, Ngài ở giữa đại chúng Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, trời, người, A-tu-la, tuyên bố rằng: "Hôm nay vào nửa đêm, Như Lai sẽ nhập Vô dư Niết-bàn. Khi đó có vị Bồ-tát, tên Đức Tạng được Ngài thọ ký tiếp theo sẽ thành Phật hiệu là Tịnh Thân Như Lai. Thọ ký xong, vào nửa đêm Ngài diệt độ.
14. Sau khi Phật diệt độ, Bồ-tát Diệu Quang thọ trì và thuyết giảng kinh Diệu Pháp Liên Hoa suốt 80 tiểu kiếp. Tám người con của Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh đều học với Bồ-tát Diệu Quang, được vững tâm nơi đạo Vô thượng chánh giác. Các vị vương tử đó đã cúng dường vô lượng trăm nghìn muôn ức các Đức Phật và đều thành Phật đạo. Vị thành Phật sau cùng, hiệu là Nhiên Đăng.
15. Trong 800 người đệ tử đó, có một người tên là Cầu Danh. Người này cũng đã trồng các nhân duyên căn lành nên được gặp vô lượng trăm nghìn muôn ức Đức Phật.
16. Ngài Văn Thù Sư Lợi nhắc lại tiền thân rằng:"Bồ-tát Diệu Quang thuở đó chính là ta, Cầu Danh chính là ngài. Điềm lành hôm nay cùng tích xưa không khác, cho nên ta nghĩ hôm nay Đức Như Lai sẽ nói kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa Giáo Bồ Tát Pháp Phật Sở Hộ Niệm.

---

[1] Như-Lai, Ứng-cúng, Chính-biến-tri, Minh-hạnh-túc, Thiện-thệ, Thế-gian-giải, Vô-thượng-sĩ, Điều-ngự trượng-phu, Thiên-Nhân-Sư, Phật Thế-Tôn.

B. Dàn Ý Phẩm Tựa Thứ Nhất

1. **Trú xứ của pháp hội:** Trên đỉnh núi Linh Thứu.
2. **Thành phần chúng hội:** Bao gồm bốn bộ thính chúng tiêu biểu: Chúng khải thỉnh (người thưa thỉnh-mở đầu pháp hội), chúng đương cơ (đối tượng chính được Phật thuyết giáo), chúng hộ trì (các vị Bồ tát), chúng kết duyên (các vị vua Trời, thiên long bát bộ, nhân và phi nhân...)
3. **Nhập định và thuyết kinh:** Đức Thế Tôn vì các vị Bồ tát thuyết kinh Đại thừa *Vô Lượng Nghĩa*, thuyết kinh xong, Ngài nhập vào định Vô Lượng Nghĩa Xứ, thân và tâm của Ngài bất động. Từ đây Thế Tôn phóng hào quang, hiện điềm lành và bắt đầu thuyết kinh *Diệu Pháp Pháp Hoa*.
4. **Ý nghĩa tựa đề kinh:** Kinh Pháp Hoa, tên gọi đầy đủ: *Diệu Pháp Liên Hoa Giáo Bồ Tát Pháp Phật Sở Hộ Niệm*
5. **Vô tác diệu lực:** Trời tuôn rải bốn loại hoa, đất rung động sáu cách.
6. **Nhất chân pháp giới:** Từ lông trắng giữa hai chân mày, Đức Phật phóng ra một luồng ánh sáng chiếu khắp 18,000 thế giới ở phương Đông, dưới chiếu đến địa ngục A-tỳ, trên chiếu đến trời Sắc-cứu-cánh. Trong ánh quang minh của Phật, chúng sinh các cõi đều nhìn thấy nhau, thấy sáu điềm lành ở cõi khác: thấy người tu hành đắc đạo; thấy các vị đại Bồ-tát hành đạo; thấy các Đức Phật ra đời, nói pháp, nhập Niết-bàn; thấy hàng Bồ-tát dựng tháp cúng dường xá lợi của chư Phật.
7. **Cảnh giới thật tướng và Đại sự nhân duyên:** Muốn hiểu rõ nghi vấn của mình và hàng đại chúng, Bồ-tát Di Lặc hỏi Bồ-tát Văn Thù do nhân duyên gì mà có điềm lành này? Bồ-tát Văn Thù trả lời: "Tôi từng ở nơi các đức Phật đời quá khứ thấy điềm lành này... Tôi nghĩ, nay Đức Thế Tôn *muốn nói pháp lớn, mưa pháp vũ lớn, thổi pháp loa lớn, đánh pháp cổ lớn và diễn pháp nghĩa lớn."*
8. **Suối nguồn tuệ giác Vô thuỷ vô chung:** Vô lượng vô biên a-tăng-kỳ kiếp về trước, có Đức Phật hiệu Nhật Nguyệt Đăng Minh tuyên nói chánh pháp, ban đầu, ở giữa, và sau cùng, ba thời đều thiện lành, nghĩa lý sâu xa, lời lẽ nhiệm mầu, thuần nhất không tạp... Có 20,000 Đức Phật đều cùng một hiệu Nhật Nguyệt Đăng Minh, đầy đủ mười hiệu. Các Ngài tuần tự thọ ký cho nhau thành Phật.
9. **Ánh Sáng Tương Thừa:** Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh sau cùng vì Bồ-tát Diệu Quang và 800 người đệ tử nói kinh Đại thừa tên *Diệu Pháp Liên Hoa* suốt 60 tiểu kiếp. Thuyết kinh rồi, Ngài thọ ký cho Bồ-tát Đức Tạng được thành Phật hiệu là Tịnh Thân Như Lai. Sau khi Như Lai diệt độ, Bồ-tát Diệu Quang tiếp tục thọ trì và giảng kinh *Diệu Pháp Liên Hoa* suốt 80 tiểu kiếp. Tám người con của Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh đều học với ngài Diệu Quang và đều thành Phật đạo. Vị thành Phật sau cùng, hiệu là Nhiên Đăng (Thầy của Đức Thích Ca Mâu Ni).

10. **Điềm nay tích xưa:** Trong 800 người đệ tử của Bồ-tát Diệu Quang, có một người tên là Cầu Danh. Người này do tu tập, vun trồng các nhân duyên căn lành nên gặp được vô lượng trăm nghìn muôn ức Đức Phật. Bồ Tát Văn Thù nhắc lại: "Bồ-tát Diệu Quang trong đời quá khứ chính là ta đây và Cầu Danh là tiền thân ngài đấy. Điềm lành hôm nay cùng xưa không khác."

C. Phân Tích & Lược giải

1. Trú xứ của Pháp hội:

Kinh Pháp Hoa được Đức Phật thuyết giảng trên đỉnh núi Linh Thứu (*Gṛdhrakūṭa*, *Vulture Peak*) thuộc thành Vương Xá (*Rajgir*), tiểu bang Bihar, vùng Đông bắc Ấn Độ. Nơi đây còn lại hương thất của Đức Phật và động tu của Ngài Xá-lợi-phất, A-nan... Núi Linh Thứu, nằm cách đại học Nalanda khoảng hơn 10 cây số về hướng Tây nam. Vùng núi thiêng liêng này do vua Tần-bà-sa-la (*Bimbisara*) khai phát và cúng dường cho Đức Thế Tôn và Tăng đoàn của Ngài. Ngày nay, nơi đây trở thành một thánh tích quan trọng và là một địa điểm hành hương tâm linh nổi tiếng.

Khuôn viên của đỉnh núi Linh Thứu không lớn. Tuy vậy, những ai đã từng đặt chân trên đỉnh núi linh thiêng này mới có thể cảm nhận được cái mênh mông bao la của không gian thanh tịnh, cao vút; bốn bề bạt ngàn mây trắng, núi rừng trùng điệp. Kinh Pháp Hoa mô tả pháp hội nơi đây đã từng dung chứa đến 12,000 vị tỳ kheo đại thánh tăng, 2,000 vị hữu học và vô học, 6,000 Ni chúng, 80,000 đại Bồ-tát. Bên cạnh đó, còn có các vị vua Trời, thiên long bát bộ, nhân và phi nhân cùng với trăm nghìn quyến thuộc cùng tề tựu về nơi đây để nghe Đức Phật thuyết pháp. Vua A-xà-thế, vị vua đương thời, cũng tham dự pháp hội... [2] Với số lượng thính chúng to lớn như thế, chúng ta sẽ thắc mắc làm sao khuôn viên bé nhỏ (trên nền đất) của pháp hội lại có thể dung chứa đến hàng trăm nghìn thính chúng. Vấn đề sẽ dễ hiểu hơn khi lưu ý đến *trú xứ Hư không hội* nơi diễn ra các pháp hội Pháp Hoa.

Theo cách trình bày của chính bộ kinh cũng như các sớ giải về Pháp Hoa, hai mươi tám chương của Kinh được phân chia thành ba hội khác nhau và được thuyết giảng ở hai trú xứ khác nhau (*nhị xứ tam hội*)[3]. Ở đây, hai trú xứ (nhị xứ) của pháp hội đó là *Linh Sơn hội* gồm các bài giảng trên đỉnh núi Linh Thứu và *Hư không hội* gồm các bài giảng trên không trung của đỉnh núi Linh Thứu. Cũng vậy, dựa theo thứ tự của các chương, ba pháp hội được phân chia thành *Linh Sơn hội trước* (tiền Linh Sơn hội), gồm mười chương, từ chương một (phẩm Tựa) đến chương mười (phẩm Pháp Sư). Tiếp theo là *Hư không hội*, gồm mười hai chương, từ chương mười một (phẩm Hiện Bảo Tháp) đến chương hai mươi hai (phẩm Chúc Lụy). Kết thúc là *Linh Sơn hội sau* (hậu Linh Sơn hội) bao gồm bảy chương, từ chương hai mươi ba (phẩm Dược Vương Bồ Tát Bổn Sự) đến chương hai mươi tám (phổ Hiền Bồ Tát Khuyến Phát). Ở đây, với sự xuất hiện của pháp hội trên không trung (Hư không hội) rõ ràng số lượng thính chúng có lên đến hàng trăm nghìn vị

---

[2] Vua A-xà-thế, được nhắc đến trong thành phần chúng hội, là một vị vua tàn ác, giết cha, hại mẹ, cuối cùng đã hồi tâm hướng thiện và trở thành một Phật tử thuần thành.

[3] *Xem phần Dẫn vào Kinh Pháp Hoa.*

-Pháp Hoa Kinh, Sugitani Gijun, Shunjusha, 2015, tr.16-19.

cũng không có gì là khó hiểu. Vì lẽ, chỉ có con người mới phải đi đứng trên mặt đất, trong khi các thành phần khác của thính chúng trong pháp hội Pháp Hoa như hàng Bồ-tát hay thiên long bát bộ thì không nhất thiết phải cư trú trên mặt đất.

Thật vậy, dưới chân chúng ta, mặt đất có vẽ hữu hạn trong tính cách vật lý cứng cỏi và gồ ghề của nó, nhưng trên đầu chúng ta, không gian bao giờ tự nó cũng vô lượng vô biên, không thể đo lường được. Ý niệm này được kinh Niết Bàn mô tả như sau: "*Trong rừng Ta-la nơi thành Câu-thi-na rộng mười hai do tuần, đại chúng trời người chật khắp trong đó. Chỗ nhỏ bằng đầu mũi kim vẫn có thể dung thọ vô lượng chúng...*"[4]

2. **Thành phần chúng hội:**

Thính chúng của Pháp Hoa rất rộng lớn, với 15 bộ chúng, bao gồm thánh phàm, trời rồng, quỷ thần, nhân và phi nhân... Đây là nét đặc trưng của pháp hội thuyết kinh Đại thừa nói chung và Pháp Hoa nói riêng. Các bộ chúng ở đây được phân chia một cách tiêu biểu qua bốn nhóm: *khải thỉnh, đương cơ, hộ trì và kết duyên*.

Chúng khải thỉnh là những vị đại thánh tăng hay đại Bồ-tát. Các vị hiểu được thâm tâm của thính chúng, theo đó tuỳ thuận cơ duyên thưa thỉnh, vấn đáp làm đề dẫn đưa vào nội dung của pháp hội. Do đó, ở mỗi chương kinh đều có các vị đại Thanh-văn hoặc đại Bồ-tát đóng vai trò *khải thỉnh*. Riêng ở phẩm Tựa, mở đầu kinh Pháp Hoa, Bồ-tát Di Lặc đại diện cho chúng hội đặt câu hỏi và Bồ-tát Văn Thù Sư Lợi tuỳ thuận đáp lời, khéo léo dắt dẫn thính chúng chuẩn bị tâm ý đón nhận giáo lý Nhất Phật thừa mà Đức Phật sắp thuyết giảng.

Chúng đương cơ là các vị Thanh-văn, đối tượng chính được Đức Phật thuyết giáo. Vì vậy mở đầu pháp hội, kinh trước hết giới thiệu sự tập hợp của hàng Thanh-văn, bao gồm 12,000 vị Tỳ-kheo đại thánh tăng (A-la-hán), rồi kế đó là các vị đại Bồ-tát. Một chi tiết quan trọng khác cũng cần lưu ý. Ở phẩm Phương Tiện, chương hai, trình bày việc Ngài Xá-lợi-phất, bậc thượng thủ của hàng Thanh-văn đã ba lần cầu thỉnh Đức Thế Tôn thuyết pháp; Đức Phật nhận lời và bắt đầu thuyết giảng kinh Pháp Hoa. Điều này cho thấy mối liên hệ nhân duyên khải giáo (khế lý, khế cơ) của giáo lý Nhất thừa Phật đạo. Kinh ghi như sau: "*Đức Phật bảo ngài Xá-lợi-phất: "Pháp mầu như thế, các Đức Phật Như Lai đến khi đúng thời mới nói, như hoa linh thoại đến tiết mới trổ.*"[5]

Chúng hộ trì là các vị Bồ-tát. Như được ghi trong tựa đề: *Diệu Pháp Liên Hoa-Giáo Bồ Tát Pháp-Phật Sở Hộ Niệm.* Ở đây, *Giáo Bồ Tát Pháp* hay pháp giáo hoá cho hàng Bồ-tát, được xem là nội dung quan trọng của kinh. Điều

---

[4] Kinh Đại Bát Niết Bàn, chương 27, theo bản dịch của HT Thích Trí Tịnh.
[5] Phẩm Phương Tiện, thứ 2, theo bản dịch của HT Thích Trí Tịnh.

này cũng cho thấy rõ mối liên hệ của giáo nghĩa Nhất thừa và Bồ-tát-đạo mà Đức Phật sẽ giảng thuyết cho hàng Thanh-văn. Tuy nhiên, *Giáo Bồ Tát Pháp* không có nghĩa là chỉ có hàng Bồ-tát mới có thể tu tập giáo lý Nhất thừa. Ở Pháp Hoa, các chương kinh đều nhấn mạnh đến việc Đức Thế Tôn dùng các nhân duyên, thí dụ, ngôn giáo để khuyến hoá thính chúng phát tâm Bồ đề, hướng đến Nhất thừa (*ekayāna*), hay còn gọi là Phật thừa (*buddha-yāna*). Các vị đại Bồ-tát ở đây đóng vai trò như những hành giả kiểu mẫu, hộ trì và tạo thêm sức mạnh cho thính chúng cùng phát tâm Vô thượng Bồ đề. Do đó, chúng ta có thể hiểu biểu từ *Giáo Bồ Tát Pháp* qua góc độ thực tiễn của lộ trình tu tập các Ba-la-mật (*pāramitā*) mà bất kỳ đối tượng nào cũng có thể thực hành. Cách hiểu này phù hợp với tinh thần của kinh Pháp Hoa. Điều này cũng ngầm được xác định qua thành phần thính chúng với nhiều bộ chúng hữu tình khác nhau trong các cõi bao gồm cả thánh, phàm, trời, người, quỷ, thần, phi nhân ...

Chúng kết duyên là những người có duyên được tham dự pháp hội, nghe pháp hoặc cúng dường, cung kính, tôn trọng giáo pháp... nhưng không có khả năng lĩnh hội giáo pháp một cách trọn vẹn. Các vị này cũng không nhớ nhiều, không hiểu sâu, nhưng một lòng kính tín lời dạy của Đức Thế Tôn và chư Phật trong mười phương ba đời. Chúng kết duyên của kinh Pháp Hoa rất rộng lớn khó mà tưởng tượng được. Kinh thường lặp đi lặp lại nhiều lần rằng, cho đến sau khi Như Lai diệt độ, ở đời vị lai, những ai có duyên được thọ trì, đọc, tụng, giải thuyết, và biên chép kinh Pháp Hoa, dù ít hay nhiều, đều có công đức lớn lao vô cùng. Phẩm Pháp Sư, chương mười, ghi rằng: "*Phật bảo Bồ-tát Dược Vương: Sau khi Đức Như Lai diệt độ, nếu có người nghe kinh Diệu Pháp Liên-Hoa, dù chỉ một câu hay một niệm tùy hỷ, ta cũng thọ ký cho đạo Vô-thượng chánh-đẳng chánh-giác. Nếu có người thọ trì đọc tụng, giải nói, biên chép kinh Diệu Pháp Liên Hoa, dù chỉ một bài kệ, cung kính kinh này như Phật, cúng dường các thứ hoa, hương, chuỗi ngọc hương bột, hương xoa, hương đốt, lọng lụa, tràng phan, y phục, kỹ nhạc, cho đến chấp tay cung kính. Nên biết các người như thế đã từng cúng dường mười muôn ức Phật, ở chỗ các đức Phật thành tựu chí nguyện lớn vì thương xót chúng sanh mà sanh vào nhân gian. Nếu có người hỏi những chúng sanh nào ở đời vị lai sẽ được làm Phật? Nên chỉ các vị ấy...*"[6]

3. Nhập Định và Thuyết kinh

Phần mở đầu kinh ghi rằng, Đức Thế Tôn đã vì các vị Bồ-tát nói kinh Đại thừa Vô Lượng Nghĩa, thuyết kinh Vô Lượng Nghĩa xong, Ngài nhập vào định Vô Lượng Nghĩa Xứ, thân và tâm của Ngài bất động. Sau khi xuất định Vô Lượng Nghĩa Xứ, Ngài mới bắt đầu tuyên thuyết Pháp Hoa. Sự kiện này nói lên một ý nghĩa rất quan trọng.

---

[6] Kinh Pháp Hoa, Phẩm Pháp Sư, thứ 10.

Trước hết, *Vô lượng nghĩa là gì?* Kinh Vô Lượng Nghĩa giải thích như sau: "*Vô lượng nghĩa được sinh ra từ một pháp, pháp duy nhất đó pháp vô tướng.*"[7] Vì thật tướng của các pháp là vô tướng (*vô ngã tướng*) nên Đức Phật đã tuỳ thuận căn cơ của mỗi chúng sinh mà thuyết pháp. Căn cơ của chúng sinh là vô lượng nên Pháp cũng vô lượng; Pháp vô lượng nên nghĩa cũng vô lượng. Không có một ý nghĩa nào cố định nên gọi là *vô lượng nghĩa.* Tuy nhiên, nghĩa sâu hơn của Vô lượng nghĩa là *nghĩa* mà nó được sinh ra từ pháp Vô tướng. Vì pháp là vô tướng (không có tướng) nên ý nghĩa chân thật vượt lên trên mọi khả tính của ngôn ngữ, khái niệm, hay nói khác đi là vượt ra ngoài tất cả khuôn mẫu của thế giới ý niệm, vì vậy nên gọi là *vô lượng nghĩa*.

Ở đây, tia sáng *vô lượng nghĩa* xuất hiện như một nguồn tuệ giác đặc thù của Pháp Hoa. Sự kiện Đức Phật giảng kinh Vô Lượng Nghĩa và nhập định Vô Lượng Nghĩa trước khi thuyết Pháp Hoa gửi cho chúng ta một tín hiệu đặc biệt mà Ngài Văn Thù mô tả là *"Đức Thế Tôn sắp nói pháp lớn, mưa pháp vũ lớn, thổi pháp loa lớn, đánh pháp cổ lớn và diễn pháp nghĩa lớn."* Pháp lớn ấy chính là giáo lý Nhất thừa, con đường *ngộ nhập Phật tri kiến*. Điều này khẳng định vị trí quan trọng của giáo lý Pháp Hoa. Tuy nhiên, nói như thế không có nghĩa là các giáo lý được Đức Phật thuyết giảng trước đây không quan trọng; trái lại, ở đây kinh nhấn mạnh đến mục tiêu và ý nghĩa sau cùng của giáo lý tam thừa. Có nghĩa là, tất cả các giáo lý của Thanh-văn, Duyên-giác, hay Bồ-tát (Tứ đế, Mười hai Nhân duyên, Sáu Ba-la-mật)[8] đều quy hướng về một Phật thừa, Vô thượng Bồ đề (*anuttara-samyak-sambodhi*).

Thật vậy, với tâm đại bi và bản hoài cứu độ chúng sinh, Đức Thế Tôn đã thuyết pháp giáo hoá tuỳ theo mỗi căn cơ, đối tượng khác nhau. Trong ý nghĩa phương tiện đó, không có giáo lý nào cao hay thấp; tất cả được dùng như chiếc bè đưa người sang sông. Mỗi đối tượng cần có một giáo lý hay một pháp môn thích hợp với những điều kiện cá thể để tu hành. Tuy nhiên, khi nhân duyên căn lành đã chín muồi, Đức Thế Tôn vẫn mong muốn tất cả chúng sinh đều đạt được những gì mà Ngài đã thành tựu, đó là quả vị toàn giác-Vô thượng Bồ đề, tức là thành Phật.[9] Từ đây, *làm cho tất cả chúng sinh thành Phật* được xem là mục tiêu tối hậu của

---

[7] "*Vô lượng nghĩa giả, tùng nhất pháp sanh. Kỳ nhất pháp giả, tức vô tướng dã. Như thị vô tướng, vô tướng bất tướng. Bất tướng vô tướng, danh vi thật tướng.*"
-Xem thêm: Lược Giải Kinh Vô Lượng Nghĩa, Thích Tâm Thiện, Version 2021.

[8] Tứ đế (bốn Thánh đế): Khổ đế, tập đế, diệt đế, đạo đế. 12 Nhân duyên: Vô minh, hành, thức, danh-sắc, lục nhập, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử. Sáu Ba-la-mật: Bố thí, trì giới, tinh tấn, nhẫn nhục, thiền định, trí tuệ.

[9] *Xá-lợi-phất! nên biết*
Ta vốn lập thệ nguyện
Mong tất cả chúng sinh
Bằng như ta không khác,
Như ta xưa đã nguyện
Nay đã đầy đủ rồi
Độ tất cả chúng sinh
Đều khiến vào Phật đạo.
(*Phẩm Phương Tiện*)

Pháp Hoa (*khai thị chúng sinh ngộ nhập Phật tri kiến*)[10]. Đấy cũng là lý do giáo lý *Nhất Phật thừa* được nhấn mạnh như là sứ mệnh duy nhất của Pháp Hoa (*duy hữu nhất Phật thừa, vô nhị diệc vô tam, trừ Phật phương tiện thuyết*). Trong ý nghĩa này, kinh Pháp Hoa được gọi là *Pháp vương*, tức là vua của các kinh vì khả năng cứu độ rộng lớn, có thể dắt dẫn tất cả chúng sinh về với Phật thừa. Hình ảnh Đức Thế Tôn giảng kinh Vô Lượng Nghĩa, sau đó nhập vào định Vô lượng Nghĩa, rồi từ đây Ngài bắt đầu tuyên thuyết Pháp Hoa đã nói lên ý nghĩa và vì trí đặc thù của giáo lý này. Do vậy, đối với các giáo lý đã được Đức Phật giảng 40 năm trước thời Pháp Hoa cũng được xem là pháp vô lượng nghĩa nhưng mang tính chất *quyền thừa*. Ngược lại, những gì được Đức Phật thuyết giảng trong thời Pháp Hoa luôn mang tính chất *thật thừa-viên giáo*, nhằm đưa đến tri kiến thanh tịnh. Tri kiến ấy vốn vượt lên trên mọi khả năng tư duy, hiểu biết của con người. Điều này được kinh mô tả là *chỉ có Phật với Phật mới hiểu*. Vì tiếng nói từ đại định là tiếng nói không lời, hay tiếng nói của *ngôn từ tướng tịch diệt* (vắng bặt tướng ngôn từ); tiếng nói ấy hẳn không phải là *phương tiện thuyết*. Ở đây, ngôn ngữ và khái niệm không làm sao định nghĩa hay diễn tả được cảnh giới thiền định, thực tại toàn chân. Chính vì thế, tiếng nói của Pháp Hoa là tiếng nói của vô tướng. Với ý nghĩa này, kinh giới thiệu cho chúng ta nghi thức Đức Phật thuyết giảng giáo lý Nhất thừa Phật đạo.

4. **Ý Nghĩa Tựa Đề Kinh**

Kinh Pháp Hoa có tựa đề đầy đủ là "*Diệu Pháp Liên Hoa Giáo Bồ Tát Pháp Phật Sở Hộ Niệm*" (*saddharma puṇḍarīka, bodhisattvāvavādam, sarva-buddha-parigraham*).

Diệu pháp Liên hoa: *Diệu pháp* là biểu từ diễn đạt về nguồn tuệ giác thanh tịnh-sáng suốt của chân tâm; *liên hoa*, tức hoa sen, biểu thị cho khả tính của đời sống trong sạch vô nhiễm ngay trong thế giới trần tục. *Diệu Pháp Liên Hoa*, do đó, được ví như hoa sen mọc lên từ bùn nhưng không ô nhiễm mùi bùn.

Dưới đây là một vài cách diễn dịch rất ngắn gọn, dễ nhớ, dễ hiểu về *Diệu pháp Liên hoa*. Theo Trí Quảng đại sư, *Diệu pháp* là trí tuệ, *Liên hoa* là từ bi. Cả hai phẩm đức này được ví như ánh sáng của mặt trời (trí tuệ) và năng lực nuôi dưỡng sự sống của nó (từ bi). Trạm Nhiên đại sư mô tả một cách sinh động về *Diệu pháp Liên hoa* như sau: "Phát hiện kho tàng bí mật là *Diệu*; diễn bày con đường quyền-thật là *Pháp*; chỉ rõ bản địa (pháp thân) lâu xa lấy *liên* (hạt sen) làm thí dụ; cùng hướng về đạo nhất thừa viên giáo là lấy *hoa* (cánh sen) làm thí dụ."[11]

---

[10]梵漢和対照. 現代語訳法華経. 植木雅俊(2015). 岩波書店.東京 *Khai(samādāpana), thị (samdarśana), ngộ (pratibodhana), nhập (mārga-avatārana). Xem Kinh Pháp Hoa Phạn-Hán-Nhật Đối Chiếu,*Ueki Masatoshi, Iwanami Shoten,Tokyo, 2015.

[11] *Giáo Nghĩa Khai Thị Ngộ Nhập*, tập III, Việt dịch và chú thích BDTHT Pháp Âm, Chủ biên TK Thích Nguyên Chơn, NXB Hồng Đức, 2017. Xem *Yếu Chỉ Kinh Pháp Hoa*, Trạm Nhiên.

Cát Tạng đại sư thì cho rằng toàn bộ kinh Pháp Hoa đều nằm trong chữ *Diệu* (Pháp), nó được dùng để chỉ đến "đạo lý không tên". Liên (hạt sen) biểu thị cho lý, tức Phật tính bản hữu hay tâm Bồ đề. Có tâm Bồ đề mới có thể thành Phật. Cũng như có hạt sen mới có hoa sen. Hoa (cánh sen) biểu thị cho pháp Nhất thừa viên giáo. Ở đây Liên và Hoa là sự hợp nhất của Giáo và Lý.[12]

Cũng từ đây, hoa sen được dùng làm biểu tượng ẩn dụ cho giáo lý *nhân quả đồng thời*. Vì trong hoa sen luôn có sẵn hạt sen, được ví cho hạt giống Phật (Phật chủng); khi hoa nở thì hạt sen xuất hiện (hoa khai liên hiện); khi hoa rụng thì hạt sen đã trưởng thành (hoa lạc liên thành). Do vậy, trong quan điểm của Pháp Hoa, tất cả chúng sinh, cho dù xấu ác như thế nào đi nữa, cũng đều có Phật tính ẩn tàng bên trong. Làm sao cho Phật tính ấy phát triển toàn diện (thành Phật) là nội dung giáo lý của Pháp Hoa. Chính cái diệu dụng siêu việt của Phật tính bản hữu đó nên *Diệu pháp* được xem là *thừa quả*, có nghĩa là hạt giống Phật luôn sẵn có trong mỗi chúng sinh (như hạt sen trong hoa sen). Đây là giáo lý vĩ đại có khả năng cứu độ tất cả chúng sinh mà Đức Phật đã ban cho chúng ta dù ở thời đại nào kể cả sau khi Phật diệt độ. Chắc chắn rằng những ai dù chỉ đọc kinh Pháp hoa từ góc độ học tập hay nghiên cứu mà nhận ra điều này đều thầm lặng tri ân sâu sắc ân cứu độ rộng lớn, vô lượng vô biên của Ngài. Với tinh thần tất cả chúng sinh đều có Phật tính, rõ ràng tất cả chúng sinh đều được nhìn nhận qua đôi mắt bình đẳng tuyệt đối, vì không một chúng sinh nào bị loại ra khỏi cơ hội tu hành và thành Phật. Đây là tiếng nói nhân bản đích thực truyền đầy cảm hứng thiêng liêng có một không hai này trong lịch sử triết học và tôn giáo. Chủ đề này được Đức Phật đặc biệt nhấn mạnh trong chương thứ hai của kinh, phẩm Phương Tiện. Nói tóm lại, *Diệu pháp* hay kho tàng bí mật của tâm chính là bản giác thánh trí, đời sống của Vô thượng Bồ đề, giác ngộ. Do đó, thể nhập vào bản địa Pháp thân cũng chính là khai hiện kho tàng bí yếu của Như Lai.

Về ý nghĩa chữ *Pháp,* có thể hiểu một cách tổng quát là các giáo lý phương tiện của Tam thừa (*quyền thừa*) và giáo lý viên đốn Nhất thừa (*thật thừa*). Mục đích của giáo pháp, dầu *quyền* (mang tính chất công ước, lâm thời) hay *thật* (mang tính chất tuyệt đối, vĩnh cửu), đều hướng đến việc phát triển khả năng thành Phật hay khơi dậy tiềm năng thành Phật ở tất cả chúng sinh; hay nói khác đi là làm cho tất cả chúng sinh thành Phật. Trên bình diện cứu kính, pháp là bản thể chân như, là chân lý thường hằng bất sinh, bất diệt. Thể nhập Diệu pháp, do đó, là thể nhập Tri Kiến Phật (*tathāgata-jñāna-darśna*). Tuy nhiên, do Diệu pháp hay Tri kiến Phật là vô tướng nên không thể mô tả một cách trực tiếp bằng ngôn từ được. Vì vậy, Đức Phật đã từ bi dùng hoa sen ngầm ẩn dụ cho khả năng thành Phật hay Phật tính vốn luôn có mặt trong mỗi chúng sinh. Từ đây, giáo lý Pháp Hoa hầu hết được trình bày qua dòng ngôn ngữ biểu tượng với các thí dụ, ẩn dụ, khái niệm...nhằm giúp hành giả lĩnh hội giáo nghĩa chân thật. Tóm tắt, có thể nói rằng biểu từ *Diệu pháp Liên hoa* chỉ rõ hai chân lý chân đế và tục đế luôn hoà quyện với nhau một cách

[12] Xem *Giáo Nghĩa Khai Thị Ngộ Nhập*, tập VI, *Pháp Hoa Thống Lược*, Cát Tạng.

bất khả phân ly, như hư không và ánh sáng. Cũng như sự có mặt cùng lúc của trí và bi, tâm từ bi chân thật sẽ không thể có mặt nếu vắng bóng trí tuệ. Ở đây, hoa sen là một ẩn dụ thầm kín và tinh tế nói lên khả năng thành Phật và đức hạnh vô nhiễm vốn có ở mỗi chúng sinh cho dù chúng sinh ấy đang trôi lăn trong thế giới sinh tử tục luỵ, phiền não khổ đau.

Giáo Bồ Tát pháp: Như đã đề cập ở phần chúng hội của Pháp Hoa, *Giáo Bồ Tát Pháp*, được hiểu là giáo pháp *của/cho* hàng Bồ-tát. Tuy nhiên, Kinh Pháp Hoa nói rằng: "*Nếu có người nghe pháp, không ai chẳng thành Phật*" (*Nhược hữu văn pháp giả vô nhất bất thành Phật*).[13] Điều này cho thấy tinh thần của Pháp Hoa bao dung tất cả chúng tam thừa chứ không phải chỉ dành riêng cho hàng Bồ-tát. Tuy nhiên, chư vị Bồ-tát chính là hành giả đang đi trên con đường Nhất thừa. Vì vậy, *Pháp giáo Bồ-tát pháp* cần được hiểu theo nghĩa rộng như được mô tả trong phẩm Dược Thảo Dụ[14], bao gồm *ba cỏ hai cây*. Đấy là Bồ-tát bậc thượng, trung, hạ, Bồ-tát nhỏ, và Bồ-tát lớn. Với quan niệm mở rộng như thế, những ai thọ trì đọc tụng biên chép giảng nói kinh Pháp Hoa đều được xem là hành giả Pháp Hoa, đang tu học theo giáo pháp của Bồ-tát, nhằm hướng đến Vô thượng Bồ đề.

Phật sở hộ niệm: Phật sở hộ niệm có nghĩa là được chư Phật gia hộ độ trì. Trong kinh Pháp Hoa, Đức Thế Tôn nhiều lần nhấn mạnh rằng những ai thọ trì, đọc, tụng, giải thuyết, biên chép kinh Pháp Hoa sẽ được chư Phật trong mười phương và ba đời hộ niệm. Không riêng được chư Phật hộ niệm, Phẩm Đà-la-ni ghi rõ, các vị đại Bồ-tát và long thiên hộ pháp, cho đến hàng La-sát cũng phát tâm hộ trì hành giả Pháp Hoa. Đặc biệt Bồ-tát Phổ Hiền phát nguyện rằng: "*...Trong đời ác trược nếu có người thọ trì kinh này, con sẽ giữ gìn trừ các sự khổ hoạn làm cho được an ổn, khiến không ai được tiện lợi rình tìm làm hại; hoặc ma, hoặc con trai của ma, hoặc con gái của ma, hoặc dân ma, hoặc người bị ma dựa, hoặc Dạ-xoa v.v... Những kẻ làm hại người đều chẳng được tiện lợi. Người đó hoặc đi đứng, hoặc đọc tụng kinh này, bấy giờ con cưỡi tượng vương trắng sáu ngà cùng chúng đại Bồ-tát, đều đến chỗ người đó mà tự hiện thân ra, để cúng dường, thủ hộ, an ủi tâm người đó, và cũng để cúng dường kinh Pháp Hoa.*"[15]

Chúng ta cũng có thể hiểu ý nghĩa sự hộ niệm của chư Phật theo cách khác, thực tế và gần gũi hơn. Thật vậy, kinh là giáo huấn của Đức Phật, là tiếng nói trực tiếp từ trí tuệ vô thượng và tâm đại bi của Ngài. Chức năng của kinh là đưa đến giải thoát phiền não, sống an lạc, tự tại và vô nhiễm. Do đó, khi hành giả thọ trì kinh, có nghĩa là hành giả đã trực tiếp tiếp xúc với cội nguồn của đời sống an lạc giải thoát. Sự kết nối giữa tâm của hành giả với tâm Phật qua giáo huấn của Ngài (kinh) chính là nhân duyên để thánh hoá cuộc sống tục luỵ của chúng ta. Sự tiếp nhận lực gia bị của chư Phật trong vô hình cũng giống như khi có một cái máy radio, chúng ta có thể bắt được các làn sóng truyền thanh bao phủ khắp. Với bản

---

[13] Phẩm Phương Tiện, thứ 2.
[14] Phẩm Dược Thảo Dụ, thứ 5.
[15] Kinh Pháp Hoa, Phẩm Phổ Hiền... thứ 28.

hoài cứu độ chúng sinh, tâm từ bi của chư Phật mênh mông bao la hiện hữu khắp mười phương thế giới, do vậy bất kỳ lúc nào và ở đâu, với tâm thanh tịnh hướng về chư Phật, nhất tâm thọ trì kinh, hành giả đều có thể nhận được sự gia trì hộ niệm của chư Phật và Bồ-tát mười phương.

5. **Vô Tác Diệu Lực**

Kinh ghi rằng: Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn vì các vị Bồ-tát nói kinh Đại thừa tên là *Vô Lượng Nghĩa Giáo Bồ Tát Pháp Phật Sở Hộ Niệm*. Nói kinh xong, Đức Phật ngồi xếp bằng nhập vào chánh định Vô Lượng Nghĩa Xứ, thân và tâm của Ngài không lay động. Khi đó trời mưa bốn loại hoa rải trên Đức Phật cùng hàng đại chúng; khắp cõi Phật đều rung động sáu cách.

Khi Đức Phật nhập định, từ định lực của Ngài toả ra một sức mạnh vô hình thiêng liêng và tràn đầy uy lực, có thể cảm hoá tha nhân một cách thầm lặng. Sức thần tâm linh đó chính là *vô tác diệu lực* được biểu hiện qua hình ảnh chư thiên rải hoa trời *mạn-đà-la* và mạn thù sa, cúng dường.[16] Ngoài việc chư thiên rải hoa, toàn cõi Phật *đất đều rung động sáu cách*. Ở đây, có thể hiểu *diệu lực* là một loại sức mạnh nội tâm, lưu xuất từ bản thể của đại định. V*ô tác* được thể hiện qua tâm an trú vững chắc trong thiền định, như như, bất động. Cái *diệu lực* trong cõi *vô tác* đó được thể hiện một cách tương phản qua hình ảnh *thân và tâm bất động.* Có nghĩa lad, mặc dù Đức Phật chỉ ngồi yên trong thiền định, sức sống tâm linh thầm kín của Ngài có tác động rất lớn, có thể làm lay chuyển tâm thức của bất kỳ chúng sinh nào đang hướng về Ngài, khiến họ sinh khởi niềm hỷ lạc; và cũng từ đó, phát tâm Vô thượng Bồ đề.

Mạn-đà-la có nghĩa là *như ý, an lạc;* mạn-thù-sa là *mềm mại, nhu nhuyến*. Cả hai từ này biểu trưng cho niềm an tịnh-hỷ lạc của thế giới của nội tâm; và đấy cũng là điều kiện để bước vào cảnh giới thiền định. Tâm không an không thể vào định được, cũng không thể tiếp nhận chân lý Nhất thừa được. Do đó, hành giả muốn phát huy sự tu tập của mình, trước hết phải làm cho ba nghiệp (thân, khẩu, ý) an tịnh rồi sau đó mới có thể tiến xa hơn lĩnh hội giáo lý Phật thừa. Bên cạnh đó, hoa trời rơi xuống cũng nói lên *nhân hạnh* của hành giả Pháp Hoa. Người muốn tu tập theo kinh Pháp Hoa trước hết phải làm cho bốn loại thiên hoa này nở ngay trong tâm của mình, đấy chính là niềm an tịnh và hỷ lạc của tự thân. Niềm hỷ lạc tự nội đó được biểu thị một cách cụ thể trong lộ trình tu tập của hàng Thanh-văn qua bốn quả vị tu chứng.[17] Tâm không trú chấp trong phân biệt nhân ngã, tâm trong sáng, thanh tịnh và tràn đầy hỷ lạc, tâm an trú trong bản tính chân như, vượt lên trên mọi ảo tưởng về tự ngã; với tâm thuần nhất không tạp như vậy, hành giả

---

[16]Bốn loại hoa là mạn-đà-la, ma-ha-mạn-đà-la, mạn-thù-sa, và ma-ha-mạn-thù-sa (曼陀羅華/曼殊沙華)

[17] Trong Pháp Hoa Kinh Cương Yếu của HT Thích Trí Tịnh cũng như các sớ giải Pháp Hoa (thuộc Hán tạng) giải thích bốn loại hoa trời tượng trưng cho bốn đại (đất nước gió lửa-thân con người), bốn quả vị Thanh-văn; và sáu cách rung động biểu thị cho sáu căn, sáu trần, và sáu thức.

có thể bước vào thế giới của Pháp Hoa, diện kiến Đức Thế Tôn đang tuyên bày Diệu Pháp.

Cũng vậy, do sức mạnh của *vô tác diệu lực* này, khi Đức Phật vào định, toàn cõi đất Phật đều rung động sáu cách. Các bản sớ giải (thuộc Hán tạng) giải thích sáu cách rung động bao gồm: sự rung động (*động*), lồi lõm (*dũng*), có tiếng động (*chấn*), giao nhau (*kích*), vang ra tiếng lớn (*hẩu*), nổ lớn (*bạo*). Sáu cách rung động này, theo cách trình bày của kinh, hẳn nhiên không phải là cơn địa chấn đột ngột, hãi hùng; trái lại nó ngầm mô tả sự chuyển biến của thế giới nội tâm, hay nói khác đi là của thân năm ấm và sáu đại[18]. Vì tất cả pháp, trong thế giới quan của Phật giáo, sinh khởi và chuyển biến đều dựa trên căn bản duyên khởi của sáu căn, sáu trần, và sáu thức.[19] Lìa căn, trần, thức sẽ không có pháp nào có mặt. Sự chấn động tâm ý thức một cách toàn diện, do đó cũng là tín hiệu khai mở tuệ giác, chuẩn bị cho hành trình thể nhập vào toàn chân pháp giới. Khi tâm, ý, thức được điều phục, được làm cho sung mãn thông qua thiền định hành giả có thể tạo ra sức mạnh tâm linh vô tác diệu lực này.

6. Nhất Chân Pháp Giới

Kinh ghi rằng, từ trong thiền định, Đức Phật phóng ra một luồng ánh sáng từ lông trắng giữa hai chân mày chiếu khắp 18,000 thế giới ở phương đông, dưới chiếu đến địa ngục A-tỳ, trên chiếu đến trời Sắc-cứu-cánh. Trong ánh quang minh này, chúng sinh trong sáu cõi đều nhìn thấy nhau; thấy người tu hành đắc đạo; thấy các vị đại Bồ hành đạo; thấy các Đức Phật ra đời, nói pháp; nhập Niết-bàn, thấy hàng Bồ-tát dựng tháp cúng dường xá lợi của chư Phật. Ở đây, việc nhìn thấy rõ thật tướng của các cảnh giới thánh phàm một cách thông suốt không chướng ngại có một ý nghĩa quan trọng, mang tính chất yếu chỉ của kinh. Hầu hết các bản sớ giải của các vị tiền nhân cổ đức đều chú trọng đến ý nghĩa của ánh quang minh từ tướng *bạch hào* này.

Các sớ giải đều cho rằng, luồng ánh sánh giữa hai chân mày (bạch hào) nơi trán của Đức Phật biểu thị cho *Phổ quang minh trí* cũng còn gọi là Diệu trí trung đạo. Sở dĩ có chữ trung vì ánh sánh ấy được phóng chiếu từ điểm giữa (trung) của hai chân mày. Điều đó ngầm chỉ cho một loại ánh sáng tâm linh lưu xuất từ tuệ giác bình đẳng-siêu việt nhị nguyên (*non-dualism*). Và chỉ có ánh sáng trí tuệ vô ngã này mới có thể hiển bày toàn chân pháp giới một cách sinh động. Cũng từ luồng ánh sáng của bản giác thánh trí này Đức Thế Tôn bắt đầu tuyên thuyết giáo lý Nhất thừa. Chữ *nhất* ở đây có nghĩa là *giáo nhất*, tức chỉ có một Phật thừa; *lý nhất*, tức là thật tướng chân như hay chân đế; *cơ nhất,* tức là thừa chân thật hay thật thừa, và *nhân nhất*, tức thân chân thật, pháp thân). Sự nghiệp giáo hoá của ba đời chư Phật cũng chỉ vì một đạo Nhất thừa. Thông điệp Vô lượng nghĩa (thuyết

---

[18] Ngũ ấm/uẩn: sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Lục đại: đất, nước, gió, lửa, hư không, thức.
[19] Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, và ý thức).

kinh và nhập định)[20] ngay từ đầu khẳng định rằng Đức Thế Tôn từ một pháp duy nhất, *thật tướng vô tướng* mà diễn bày vô lượng nghĩa. Tương tự như thế, phần trình bày ở phẩm Phương Tiện nói rõ, Đức Thế Tôn từ một đạo Nhất thừa phương tiện tuỳ duyên nói thành ba thừa. Sau bốn mươi năm thuyết pháp giáo hoá, nay ở hội Pháp Hoa, căn cơ đã chín muồi, một lần nữa, Ngài dắt dẫn chúng tam thừa quay về một đạo Nhất thừa. Điều này được biểu thị qua hình ảnh *một luồng ánh sáng chiếu suốt 18,000 thế giới ở phương đông.*

Kinh mô tả rằng, trong ánh quang minh này, chúng sinh trong sáu cõi có thể nhìn thấy nhau, thấy rõ sự luân chuyển-nhân duyên nghiệp báo của mỗi chúng sinh, từ địa ngục A-tỳ cho đến trời Sắc-cứu-cánh. Bên cạnh đó, cũng thấy rõ các điềm lành: thấy các chúng sinh tu hành đắc đạo; thấy các vị đại Bồ-tát hành đạo... Rồi lại thấy các Đức Phật ra đời, nói pháp, nhập Niết-bàn, thấy hàng Bồ-tát dựng tháp cúng dường xá lợi của chư Phật.[21] Trong một luồng ánh sáng bình đẳng nhưng có thể hiển bày tất cả nhân duyên hành nghiệp của cả thánh phàm, từ chúng sinh cho đến chư Phật. Nói theo ngôn ngữ của Pháp Hoa là thấy rõ thật tướng *như thị*. Đây là sự hiển bày *nhất chân pháp giới* một cách toàn diện, nhằm nói lên ý nghĩa *vạn pháp duy tâm,* tất cả đều từ tâm sinh ra. Trong cõi chân như, Phật và chúng sinh đều có chung một tâm thể như nhau. Mọi sự khác nhau giữa thánh phám cũng đều từ một *tâm* mà sinh ra.[22] Tuy nhiên, tâm tạo tác luôn dựa vào các nhân duyên-duyên khởi của sáu căn và sáu trần, như mắt-thấy hình, tai-nghe tiếng v.v... Do đó, nhìn từ góc độ triết học, con số 18,000 thế giới tượng trưng cho sự biến chuyển của sáu căn, sáu trần và sáu thức.[23] Vì lẽ, nếu cắt đứt mối liên hệ giữa các thân căn và trần cảnh, thì thế giới sẽ không xuất hiện trong ý thức của chúng ta. Ý thức chỉ có mặt khi có sự kết hợp giữa các *căn* và *trần* như con mắt và đối tượng của nó. Đây chính là thế giới quan Phật giáo. Từ đây cho thấy rằng, do sự hiểu biết của con người hay chúng sinh nói chung đều dựa vào cơ sở bất toàn và nhiều sai lầm của *căn-trần-thức* nên dẫn đến sinh tử luân hồi. Sự kiện Đức Phật phóng một luồng ánh sáng xuyên suốt các cõi ở phương đông và nhờ ánh sáng đó mà chúng sinh có thể nhìn thấy được sự thật, thấy được chân lý nhất như chính là sự khai mở Phật huệ. Nói khác đi, sự khai mở ấy là phóng cái nhìn trực tiếp từ thánh trí hay là *Tri kiến Phật* mà không phải là cái nhìn từ ý thức phân biệt, kết thành do sự tiếp xúc của căn và trần.

Phương đông là nơi mặt trời mọc, biểu thị cho ánh sáng trí tuệ. Trong ánh sáng của tuệ giác bình đẳng vĩ đại này, thật tướng được phơi bày một cách toàn

---

[20] Xem thêm phần Lược giải Kinh Vô Lượng Nghĩa.

[21] Có 6 điềm lành ở cõi này: Phật thuyết pháp, nhập định, trời mưa hoa, đất rung động, chúng hoan hỷ, Phật phóng hào quang; và 6 điềm lành ở cõi khác: Thấy chúng sinh trong sáu cõi luân hồi, thấy Phật ra đời, thuyết pháp, bốn chúng tu hành đạt đạo, Bồ-tát hành đạo, Phật nhập Niết bàn và cúng dường xá lợi.

[22] Tứ thánh (Thanh-văn, Duyên-giác, Bồ-tát, Phật) Lục phàm (Thiên, nhân, A-tu-la, địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh).

[23] 18 giới: 6 căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý), 6 trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp), 6 thức (nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức).

diện; dù minh hay ngộ, uế hay tịnh, Phật hay chúng sinh... tất cả đều hiển lộ trong bản thể nhất chân pháp giới. Đối với tâm thức vô minh và tri kiến hư vọng của chúng sinh, thế giới có muôn nghìn sai biệt đa thù, nhưng trong Tri kiến Phật thậm thâm vi diệu, thì tất cả dị đồng cũng chỉ có một thể rạng ngời nhất như. Thật vậy, Không có ngăn cách giữa thế giới này hay thế giới kia nên chúng sinh các cõi mới có thể liên thông nhìn thấy nhau. Mười phương ba đời trở về trong một niệm hiện tiền nên mới có thể thấy Phật ra đời cho đến diệt độ. Hai cõi tịnh uế đều dung thông nên sen chỉ có thể mọc lên trong bùn. *Minh* và *ngộ* tất cả đều nằm ở đây, nhất thừa Phật đạo cũng nằm ở đây. Và đây cũng là chỗ vắng bặt tướng ngôn từ (ngôn từ tướng tịch diệt). Do đó, chánh nhân thành Phật không gì khác hơn là sự trực ngộ, thể nhập vào ánh quang minh toàn trí và toàn năng này.

7. Cảnh giới thật tướng và Đại Sự Nhân Duyên

Do nương vào thần lực từ ánh quang minh của Phật nên trong một niệm mà chúng hội có thể thấy hết mọi hành nghiệp tạo tác của chúng sinh trong sáu cõi luân hồi cùng các điềm lành của mười phương ba đời chư Phật, chư Bồ-tát. Tất cả y báo, chánh báo, con người và quốc độ của cả thánh phàm cùng lúc đồng hiển bày một cách tinh tường. Đây là cách mô tả về thế giới thường tịch quang. Ở đây, trong cùng một niệm tâm hiển bày tất cả cảnh giới thánh phàm nói lên một điều quan trọng rằng Phật và chúng sinh có cùng một thể của chân tâm; bản thể ấy đồng nhất, không hai, không khác. Cái khác nhau là trong cùng một thế giới thường tịch, Đức Phật, như hoa sen mọc lên từ bùn, Ngài ở nơi đây giác ngộ, giải thoát, ở nơi đây thuyết Pháp độ sinh; trong khi chúng sinh cũng ở nơi đây trong cùng quốc độ với chư Phật, nhưng lại trôi nổi đắm chìm, lặn hụp trong biển sinh tử, mãi miết với phiền não khổ đau, tự mình trói buộc mình. Tất cả chỉ vì vô minh, bỏ chân theo vọng, từ đó kết thành nghiệp chướng trần lao, tự đoạn tuyệt với Tri kiến Phật của chính mình. Kinh nói rõ, chư Phật Thế Tôn ra đời chỉ vì mong muốn làm cho chúng sinh xa lìa vọng tưởng mê lầm, trở lại với chân tâm thường trú hay nói khác đi là thể nhập Phật tri kiến. Đây là mục đích duy nhất của Nhất Phật thừa, cũng là nhân duyên duy nhất mà chư Phật Thế Tôn ra đời.

Kinh ghi rằng, đối trước điềm lành chưa từng thấy từ ánh quang minh của Đức Phật, đại chúng đều ngạc nhiên, không hiểu đây là nhân duyên gì. Để hiểu rõ nghi vấn này, Bồ-tát Di Lặc hỏi Bồ-tát Văn Thù. Ngài Văn Thù trả lời rằng, Tôi từng ở nơi các đức Phật đời quá khứ thấy điềm lành này. Tôi nghĩ, nay *Đức Thế Tôn muốn nói pháp lớn, mưa pháp vũ lớn, thổi pháp loa lớn, đánh pháp cổ lớn và diễn pháp nghĩa lớn.* Ở đây, mặc dù Đức Phật dùng thần lực hiển bày cho chúng hội xem toàn cảnh pháp giới dung thông, nhưng do chưa đạt ngộ nên chúng hội vẫn không hiểu được sự thật tận mắt nhìn thấy. Do vậy, Bồ-tát Di Lặc đại diện cho chúng hội chưa đạt ngộ hay nói khác đi là chưa có Phật huệ, để nêu lên nghi vấn. Bồ-tát Văn Thù, ngược lại, là biểu tượng cho bậc đại trí, từng gần gũi chư Phật trong quá khứ nên Ngài biết rõ nhân duyên Đức Phật phóng quang và hiện điềm lành.

Ở đây, qua hình ảnh của Bồ-tát Di Lặc (biểu trưng cho hành giả chưa thể nhập Phật trí), kinh muốn nói rằng không thể dùng cái thấy biết bằng ý thức thông thường để nhận thức về cảnh giới thật tướng. Vì căn-trần-thức hay nói khác đi là các giác quan của thân năm uẩn (thân con người) luôn bị giới hạn bởi các nghiệp của chính nó. Ví dụ, con mắt vật lý của chúng ta luôn chuyển động theo chu kỳ biến dịch, khi tỏ, khi mờ, nên không thể thấy được sự vật một cách chính xác. Vả lại, cùng một sự vật nhưng mỗi người tuỳ theo căn cơ trình độ của mình mà nhìn nhận nó khác nhau v.v... Trên thực tế, mỗi người luôn nhìn sự vật theo con mắt của riêng mình và cảm nhận sự vật tuỳ theo khả năng nhận thức của riêng mình. Vì vật, con mắt trần chỉ có thể nhìn thấy sự vật theo nghiệp của nó với những biểu hiện lâm thời bên ngoài vốn được xem là hư vọng, không thật. Muốn nhìn xa vào bản chất của sự vật hay thật tướng của các pháp, phải dùng đến trí tuệ, tức con mắt của tâm thanh tịnh. Ở đây, với Tri kiến thanh tịnh, vượt ra ngoài mọi trói buộc của tư duy hữu ngã, hành giả có thể lĩnh hội trọn vẹn thật tướng của các pháp. Sự lĩnh hội trọn vẹn đó được kinh mô tả qua mười nguyên lý *Như thị* (tướng, tính, thể, lực...). Cũng vậy, để bước vào nhất chân pháp giới, hành giả phải hoà nhập chính cái tâm thức cá thể hữu hạn của mình vào ánh sáng của dòng thực tại vô ngã. Nói cách khác đi là phải có trí tuệ siêu việt nhị nguyên mới có thể thấy được cảnh giới của *chân như thường tịch*. Do sự hiểu biết giới hạn của chúng hội, Bồ-tát Văn Thù từ đây bắt đầu giải thích điềm lành đang thấy hiện nay bằng các chuyện tiền thân và nhân duyên trong đời quá khứ.

8. **Suối Nguồn Tuệ Giác Vô Thuỷ Vô Chung**

Bồ-tát Văn Thù kể rằng: Trong thuở quá khứ vô lượng a-tăng-kỳ kiếp, có Đức Phật hiệu Nhật Nguyệt Đăng Minh tuyên nói chánh pháp, ban đầu, ở giữa, và sau cùng, ba thời đều thiện lành,[24] nghĩa lý sâu xa, lời lẽ nhiệm mầu, thuần nhất không tạp... Ngài vì hàng Thanh-văn, nói pháp Tứ đế; vì hàng Duyên-giác, nói pháp 12 Nhân duyên; vì hàng Bồ-tát nói sáu pháp Ba-la-mật làm cho thành tựu Vô thượng chánh giác. Có đến 20,000 Đức Phật đều cùng một hiệu Nhật Nguyệt Đăng Minh như thế. Các Ngài tuần tự thọ ký cho nhau thành Phật. Đức Phật sau cùng, lúc chưa xuất gia có 8 vị vương tử uy đức, trị vì bốn phương. Khi nghe vua cha xuất gia thành đạo họ đều phát tâm xuất gia tu hành. Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh lúc đó cũng nói kinh Đại thừa Vô Lượng Nghĩa, rồi nhập vào định Vô Lượng Nghĩa. Khi ấy trời mưa hoa cúng dường. Khắp cõi Phật đều rung động sáu cách. Bấy giờ, Đức Như Lai từ tướng bạch hào phóng ra một luồng ánh sáng soi khắp 18,000 thế giới ở phương đông, như nay đang thấy ở cõi Phật đây...

Câu chuyện quá khứ về Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh mô tả một cách rất cô đọng về *suối nguồn của ánh sáng tuệ giác vô thuỷ vô chung* vốn có ở tất cả chúng sinh. Về ý nghĩa Nhật Nguyệt Đăng Minh (*Candrasūryapradīpa*) hầu hết các bản sớ giải chữ Hán đều nói đến ba loại ánh sáng, ánh sáng mặt trời, ánh sáng

[24] Ba thời sơ thiện, trung thiện, và hậu.

mặt trăng và ánh sáng của đèn.[25] Cả ba đều biểu thị cho giác tánh viên minh (tuệ giác sáng suốt tròn đầy). Có đến hai mươi nghìn Đức Phật cùng một hiệu Nhật Nguyệt Đăng Minh, các Ngài tuần tự thọ ký cho nhau thành Phật. Thông qua ý nghĩa biểu trưng của sự thọ ký nối tiếp và đồng hiệu của 20,000 Đức Phật cho thấy rằng các giá trị tâm linh luôn gắn liền với ánh sáng giác ngộ từ nội tâm. Đó cũng là điểm nổi bật, nhằm bày tỏ *yếu tính đồng nhất* của sự giác ngộ (*lý nhất*), con đường đi đến giác ngộ (*hành nhất*) cũng như giáo lý giác ngộ (*giáo nhất*) của chư Phật trong quá khứ và hiện tại. Yếu tính đó chính là ánh sáng Nhất thừa của tri kiến nội tại hay Tri kiến Phật, một loại ánh sáng chỉ xuất hiện trong tâm thức cá thể nhưng được ví như là ánh sáng rực rỡ của mặt trời, huyền diệu của mặt trăng hay là ánh sáng của đèn xua tan mọi bóng tối. Ở đây, các giáo lý truyền thống bốn Thánh đế, mười hai Nhân duyên, và sáu Ba-la-mật được xác định như là con đường dẫn đến thành tựu Vô thượng Bồ đề, là sự triển khai của Nhất thừa Phật đạo, nhằm mục đích đưa chúng tam thừa (Thanh-văn, Duyên-giác, Bồ-tát) thể nhập Phật tri kiến.

Kinh ghi tiếp, Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh sau cùng, lúc chưa xuất gia có 8 vị vương tử uy đức, trị vì bốn phương. Khi nghe vua cha xuất gia thành đạo, họ đều phát tâm xuất gia tu hành. Đức Phật sau cùng được trình bày khác với 20,000 Đức Phật trước mang tính bản thể đó là trước khi xuất gia, Ngài có 8 người con tên là: Hữu Ý (ý niệm về hữu), Thiện Ý, Vô Lượng Ý, Bảo Ý, Tăng Ý, Trừ Nghi Ý, Hưởng Ý, Pháp Ý. Tên của 8 người con đều có chữ *ý*. Đây là cách biểu đạt các loại tâm thức chưa giác ngộ. Theo Thiên Thai tông, tên của 8 vị vương tử là cách gọi biểu trưng cho 8 thức (bát thức tâm vương),[26] bắt đầu từ A-lại-da thức với tên gọi là Hữu Ý, vì thức này làm nền tảng cho các pháp hữu vi. Tám vương tử[27] theo vua cha xuất gia tu học là nói đến sự xa lìa nhà phiền não, chuyển hướng về phật đạo của các tâm-ý-thức theo lộ trình chuyển đổi *tám thức thành bốn trí*[28] hay nói cách khác là lìa bỏ hư vọng để trở về với chân tâm, bản thể Như Lai tạng.

9. Ánh Sáng Tương Thừa

Bồ-tát Văn Thù kể tiếp câu chuyện quá khứ rằng, Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh lúc đó cũng nói kinh Đại thừa tên Vô Lượng Nghĩa, rồi cũng nhập vào định Vô Lượng Nghĩa Xứ, trời mưa hoa, đất rung động... Đức Nhật Nguyệt Đăng Minh cũng phóng ra một luồng ánh sáng soi khắp 18,000 thế giới ở phương đông, như những gì đang thấy ở cõi Phật đây... Những việc như trên được xem là mẫu

---

[25] Ngát Cát Tạng diễn dịch là ngọn đèn sáng như mặt trời, mặt trăng. *Candra-sūrya-pradīpa (*Sanskrit).

[26] Tám thức: A-lại-da, mạt-na, ý thức, nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức.

[27] Có nhiều cách hiểu về tám vương tử, Ngài Trạm Nhiên cho rằng, Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh dụ cho thức thứ tám, Bồ tát Diệu Quang dụ cho thức thứ bảy, tám vương tử dụ cho thức thứ 6, Cầu Danh dụ cho năm thức trước (tiền ngũ thức: mát, tai, mũi, lưỡi, thân). Xem Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Ý Ngữ.

[28]Chuyển thức thứ tám thành *Đại viên Cảnh trí*; thức thứ bảy thành *Bình đẳng tánh trí*, tức "tự tánh thân Phật"; thức thứ sáu thành *Diệu quan sát trí*, tức là "Thọ dụng thân" Phật. Năm thức trước chuyển thành *Thành sở tác trí*, tức là "Biến hóa thân" Phật. Tự tánh thân thì thường trụ; Thọ dụng thân và Biến hóa thân thì vô thường.

thức thuyết pháp của chư Phật quá khứ. Đức Phật hiện tại cũng thể hiện cùng một nghi thức giống nhau.

Tiếp theo, Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh từ trong chánh định dậy, vì Bồ-tát Diệu Quang và 800 người đệ tử nói kinh Đại thừa tên Diệu Pháp Liên Hoa Giáo Bồ Tát Pháp Phật Sở Hộ Niệm trải qua 60 tiểu kiếp không rời chỗ ngồi. Người nghe pháp cũng ngồi một chỗ suốt 60 tiểu kiếp, thân tâm đều bất động. Thời gian tuy dài như thế, nhưng đại chúng tưởng chừng như khoảng bữa ăn.

Đoạn kinh này cho chúng ta thấy rõ sự *tiếp nối của ánh sáng trí* tuệ từ Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh đến Bồ-tát Diệu Quang qua chính các danh hiệu. Diệu Quang cũng có nghĩa là ánh sáng rực rỡ kỳ diệu, biểu thị cho trí tuệ giải thoát hay trí tuệ Ba-la-mật. *Ánh sáng tiếp bước ánh sáng* là cách trình bày rất tinh tế về tinh thần giác ngộ, được nối tiếp từ quá khứ đến hiện tại và vị lai. Điều này cho thấy rằng mạng mạch Phật pháp thực thụ chỉ có thể được truyền thừa thông qua sự giác ngộ từ tâm đến tâm. Tuy nhiên, khái niệm thời gian ở đây được mô tả không theo cách hiểu thông thường như một đường thẳng kéo dài từ quá khứ vô thuỷ cho đến tương lai vô tận. Kinh nói rằng Đức Như Lai giảng kinh suốt 60 tiểu kiếp; người nghe pháp cũng ngồi một chỗ suốt 60 tiểu kiếp. Thật vậy, 60 tiểu kiếp không rời đương niệm hiện tiền cũng có nghĩa là 60 tiểu kiếp với bây giờ là một. Nói khác đi, đưa 60 tiểu kiếp về trong một niệm hiện tiền trước mặt, *bây giờ và ở đây*. Đây là cảnh giới tịch tịnh của thiền định. Cảnh giới ấy vốn siêu việt thời gian và không gian nhưng được mô tả một cách rất mộc mạc qua hai hình ảnh *không rời chỗ ngồi* và *tưởng chừng như khoảng bữa ăn*.

Sau khi nói kinh xong, Đức Như Lai ở giữa đại chúng tuyên bố rằng: Hôm nay vào nửa đêm Ngài sẽ nhập Vô dư Niết-bàn và Ngài thọ ký cho Bồ-tát Đức Tạng tiếp theo sẽ thành Phật hiệu là Tịnh Thân Như Lai. Kết thúc một đời thị hiện giáo hoá của chư Phật thường được mô tả qua sự kiện nhập Niết-bàn, mà ở đây, kinh dùng hình ảnh *như củi hết lửa tắt*. Tuy nhiên, Niết-bàn trong kinh Pháp Hoa không mang ý nghĩa kết thúc của đời sống giác ngộ. Chính vì thế, trước khi vào Niết-bàn luôn có sự thọ ký (xác chứng-công nhận) cho vị Phật tiếp theo. Ở đây, Đức Nhật Nguyệt Đăng Minh thọ ký cho Bồ-tát Đức Tạng tiếp theo sẽ thành Phật hiệu là Tịnh Thân Như Lai. Sự thọ kí này truyền tải một thông điệp tâm linh đặc biệt mang tính chất nguyên thuỷ của hành trình giác ngộ. Danh hiệu Đức Tạng biểu thị cho giới đức. Giới đức thanh tịnh là nền tảng để phát huy định và tuệ, đồng thời làm cho định-tuệ thành tựu trang nghiêm. Đây là điều kiện căn bản đưa đến giác ngộ. Do vậy, Đức Tạng có nghĩa là kho tàng giới đức tròn đầy, viên mãn. Chính kho tàng trân bảo vô tướng này làm nên *thanh tịnh pháp thân*; do đó Bồ-tát Đức Tạng, người đã thành tựu giới đức trang nghiêm được xác chứng trong đời vị lai sẽ thành Phật hiệu là Tịnh Thân Như Lai.

10. Điềm Nay Tích Xưa

Sau khi Đức Nhật Nguyệt Đăng Minh diệt độ, Bồ-tát Diệu Quang tiếp tục thọ trì và thuyết giảng kinh Diệu Pháp Liên Hoa suốt 80 tiểu kiếp. Tám người con của Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh học với Bồ-tát Diệu Quang, và đều thành Phật. Vị thành Phật sau cùng, hiệu là Nhiên Đăng. Trong 800 người đệ tử của Bồ-tát Diệu Quang, có một người tên là Cầu Danh. Người này cũng có trồng các nhân duyên căn lành nên được gặp vô lượng trăm nghìn muôn ức Đức Phật. Bồ-tát Văn Thù nói với Bồ-tát Di Lặc rằng: "Diệu Quang thuở đó là ta và Cầu Danh chính là tiền thân của ngài. Điềm lành hôm nay cùng xưa không khác."

Đến đây, chúng ta hẳn có suy nghĩ tại sao Bồ-tát Đức Tạng được thọ ký thành Phật nhưng Bồ-tát Diệu Quang là vị tiếp nối Phật sự giảng thuyết kinh Pháp Hoa? Và vị được xác nhận thành thành Phật tiếp theo là vương tử sau cùng, tức là Đức Phật Nhiên Đăng mà không phải là Bồ-tát Diệu Quang? Đây là một sự chuyển tiếp rất tinh tế nhằm chỉ đến sứ mệnh truyền bá và hộ trì kinh Pháp Hoa trong đời quá khứ lâu xa cũng như trong đời hiện tại.

Bồ-tát Diệu Quang trong đời quá khứ là vị trực tiếp lãnh thọ kinh Pháp Hoa từ Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh sau cùng. Thế rồi, Ngài tiếp tục thuyết pháp giảng kinh và dắt dẫn các vị vương tử tu hành trên con đường Nhất thừa cho đến khi tất cả đều thành Phật. Sự nghiệp hoằng hoá của Ngài không dừng lại ở đó, Bồ-tát Diệu Quang nay đã hoá thân thành Bồ-tát Văn Thù[29] để tiếp tục hoằng truyền Kinh Pháp Hoa trong đời hiện tại ở thế giới Ta-bà. Bồ-tát Văn Thù, do đó, cũng chính là vị Bồ-tát có thể xác tín kinh Pháp Hoa và giải thích các nghi vấn của thính chúng. Bên cạnh Bồ-tát Văn Thù là Bồ-tát Di Lặc, một trong 800 đệ tử của Bồ-tát Diệu Quang ở đời quá khứ với tên gọi là Cầu Danh. Nay cả hai vị đều trở lại thế giới Ta-bà để hộ trì kinh Pháp Hoa. Từ đây, có thể hiểu rằng, tiếng nói của hai vị Bồ-tát là tiếng nói của dòng tâm linh giác ngộ được truyền thừa từ mười phương chư Phật trong quá khứ. Mẫu thức *tương thừa* này được lặp lại, khi Bồ-tát Di Lặc được Đức Thích Ca Mâu Ni thọ kí sẽ thành vị Phật tiếp theo trong đời vị lai.

Phần kết của phẩm Tựa trình bày chuyện tiền thân của Bồ-tát Văn Thù và Di Lặc cũng là cách phân hội quá khứ và hiện tại, đồng thời trình bày sự giáo hoá-tương tục một cách trực tiếp từ hoá thân của hai vị Bồ-tát quá khứ. Bồ-tát Văn Thù vốn là Diệu Quang pháp sư, đã thay Phật giảng kinh Pháp Hoa suốt 80 tiểu kiếp; Bồ-tát Di Lặc là người đệ tử thọ trì Pháp Hoa trong pháp hội của Bồ-tát Diệu Quang. Bây giờ, trong pháp hội Linh Sơn này, hai Ngài tiếp tục dắt dẫn và hộ trì chúng hội thọ trì kinh Pháp Hoa.

Tóm lược các điểm chính trong phẩm Tựa, chương thứ nhất của kinh, chúng ta có thể thấy rằng, qua ngôn ngữ biểu tượng và các hình ảnh mô tả đặc trưng, dường như toàn bộ nội dung chính của kinh Pháp Hoa đã được trình bày một cách sắc bén và độc đáo. Cái độc đáo ở đây là những gì cần nói thì được nói

---

[29] Trong hầu hết các kinh đại thừa, Bồ-tát Văn thù là biểu tượng của trí tuệ. Ngài là vị Bồ-tát thân cận của chư Phật và thường thay Phật giáo hoá chúng sinh không riêng ở cõi Ta-ba mà ở nhiều thế giới khác nhau.

trong cái ngôn ngữ không lời (ly ngôn thuyết tướng), và những gì mà người nghe cần lĩnh hội thì chỉ có thể lĩnh hội qua các ẩn dụ thầm kín sâu xa (chỉ vật truyền tâm). Mặc dù bộ kinh hàm chứa triết lý viên đốn giác ngộ (viên giáo), khó tin, khó hiểu, chỉ hướng đến con đường làm Phật, song các thí dụ, ngôn giáo mà kinh sử dụng lại rất gần gũi, thực tế, dễ hiểu và dễ cảm nhận. Điều đặc biệt đáng chú ý ở đây là tinh thần *cư trần bất nhiễm* của kinh được trình bày qua hình ảnh hoa sen, hay chính tên gọi Pháp Hoa đã nói lên rằng *hoa sen chỉ mọc trong bùn, và rằng sự giác ngộ không thể tìm ở thế giới khác*. Không thể lìa bỏ thế gian này để mong cầu giác ngộ, thành Phật. Vì không có sự phân biệt, ngăn cách nào của hai cõi tịnh/uế, thánh/phàm trong thế giới của chân tâm thanh tịnh. Những gì có thể nhìn thấy qua ánh sáng bạch hào của Đức Phật đã nói lên điều đó. Vì vậy, theo tinh thần Pháp Hoa, không có một chúng sinh nào mà không có khả năng thành Phật (*nhược hữu văn pháp giả, vô nhất bất thành Phật*); và Phật tính vốn có mặt một cách bình đẳng ở tất cả chúng sinh. Thông điệp rằng tất cả chúng sinh đều có thể thành Phật của Pháp Hoa mang một ý nghĩa tâm linh-bình đẳng vĩ đại, có một không hai trong lịch sử triết học và tôn giáo của nhân loại.